

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **103/2024/HSPT**

Ngày: 15/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phương Đông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Quang

Ông Vũ Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Bà Tống Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm đối với vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 508/2023/HSPT ngày 22/11/2023 đối với bị cáo Nguyễn Minh Tung, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 518/2023/HSST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Minh T, tên gọi khác: Không, sinh năm: 1994; giới tính: Nam; nơi sinh tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: khu phố 4A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết); Con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Họ tên vợ: Lương Thị Kim C, sinh năm 1994 và có 01 (một) con; Tiền án, Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đinh Công T – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Bị hại: Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T do bà Thị B (sinh năm 1992, ngụ tại: đường Điều X, tổ 5, khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) làm đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh T là nhân viên giao hàng của Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T; Địa chỉ đường Điều X, tổ 5, khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai), (sau đây viết tắt là Công ty T). Sau khi được tuyển dụng, T được bố trí làm việc tại điểm kinh doanh số 11 trực thuộc Bưu cục của Công ty T Khu A phường T, thành phố B và được phân công nhiệm vụ cụ thể: Đi giao các đơn hàng cho khách và thu tiền do khách hàng thanh toán để nộp về cho Công ty T. Vào ngày 09 tháng 12 năm 2020, T đã nhận 02 (hai) đơn hàng (có các mã vận đơn: 842060260256 và 842060260059) để đi giao cho khách, cùng ngày sau khi giao thành công 02 (hai) đơn hàng trên cho khách và nhận tổng số tiền do khách thanh toán là 44.600.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng), T đã dùng thủ đoạn khai báo gian dối trên phần mềm (App) quản lý giao hàng của Công ty thể hiện chưa giao được 02 (hai) đơn hàng trên, đồng thời chém đoạt số tiền trên, tiêu xài hết, không nộp về Công ty T theo quy định thì bị Công ty T kiểm tra phát hiện và tố cáo hành vi trên của Tùng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B khởi tố, điều tra xử lý.

Về dân sự: Bị hại Công ty T do bà Thị B làm đại diện theo ủy quyền xác định Công ty T đã được bị cáo T khắc phục bồi thường đủ số tiền 44.600.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng) và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 518/2023/HSST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân TP.B đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Áp dụng Điều 47, 135, 136, 327, 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Ngày 04/10/2023, bị cáo Nguyễn Minh T có Đơn kháng cáo xin được giảm án và được hưởng án treo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo là chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Vị luật sư bào chữa cho bị cáo và bị cáo Nguyễn Minh T cung cấp tình tiết mới là hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương), nêu lên các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh Tùng làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung nội dung Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh Tùng, Hội đồng xét xử xác định:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Minh T khai nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã mô tả , phù hợp với các chứng cứ , tài liệu có tại hồ sơ; bị cáo không có ý kiến về tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Minh T về tội “Tham ô tài sản tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Xét nội dung Đơn kháng cáo:

- Xét thấy số tiền bị cáo Nguyễn Minh T chiếm đoạt đã được bị cáo khắc phục và được bị hại có “Đơn xin truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo”; bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; tại phiên tòa cung cấp tiết mới là hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương)

- Xét bị cáo Nguyễn Minh T có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b (đã khắc phục, bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt), điểm s (thành khẩn khai

báo) thuộc khoản 1 và (hoàn cảnh gia đình khó khăn – tình tiết mới) thuộc khoản 2 Điều 51 BLHS; đặc biệt đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt và được bị hại có “Đơn xin không truy cứu truy cứu trách nhiệm hình sự”.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ điều kiện để áp dụng thêm điều 54 Bộ luật hình sự, xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T. Do đó, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 BLTTHS, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Do Đơn kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Minh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, ý kiến của người bào chữa cho bị cáo và bị cáo, đã được Hội đồng xét xử xem xét thể hiện quan điểm như trên đã phân tích.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;
Chấp nhận Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Bị cáo Nguyễn Minh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân TP.Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Biên Hòa;
- Công an TP.Biên Hòa;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo – UBND nơi bị cáo cư trú (2);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Đông